

Trụ Năm 1988			Trụ Tháng 10			Trụ Ngày 19			Trụ Giờ 18:01		
Thương MẬU	THÌN	Mộ	Quan NHÂM	TUẤT	Q.Đới	Thân ĐINH	Thực MÙI	Dưỡng Q.Đới	Thực KỶ	DẬU	Dưỡng T.Sinh
Mậu	Ất	Quý	Mậu	Đinh	Tân	Kỷ	Át	Đinh	Tân	T.Đới	
Thương	Kiêu	Sát	Thương	Tỷ	T.Tài	Thực	Kiêu	Tỷ	T.Tài	Q.Đới	
Mộ	Mộ	Suy	Mộ	Dưỡng	Q.Đới	Dưỡng	Mộ	Dưỡng			
Suy			Dưỡng			Quan Đới			Trường Sinh		
Hoa Cái			Thái Cực			Thiên Át QN	Â.Đương Lệch		Thiên Át QN	Cửu Quý PH.	
Hồng Diễm						Hoa Cái			Văn Xương		
Thái Cực						Giáp Lộc	Ám Lộc		Tiền Thần		
Thái Dương						Hồng Diễm	Dương Nhận		Thiên Y		
						Thái Cực			Đào Hoa		
						Tú Quý Nhân			Học Đường		
						Lục Tú					
Đại Vận 0 (0 - 5 tuổi)			Đại Vận 1 (6 - 15 tuổi)			Đại Vận 2 (16 - 25 tuổi)			Đại Vận 3 (26 - 35 tuổi)		
Quan NHÂM	TUẤT	Q.Đới	Sát QUÝ	HỢI	Đ.Vượng	Án GIÁP	TÝ	M.Dục	Kiêu ẤT	SƯU	Suy
Mậu	Đinh	Tân	Giáp	Nhâm		Quý			Ký	Tân	Quý
Thương	Tỷ	T.Tài	Án	Quan		Sát			Thực	T.Tài	Sát
Mộ	Dưỡng	Q.Đới	T.Sinh	L.Quan		L.Quan			Mộ	Dưỡng	Q.Đới
Đại Vận 4 (36 - 45 tuổi)			Đại Vận 5 (46 - 55 tuổi)			Đại Vận 6 (56 - 65 tuổi)			Đại Vận 7 (66 - 75 tuổi)		
Kiếp BÍNH	DẦN	T.Sinh	Tỷ ĐINH	MÃO	Bệnh	Thương MẬU	THÌN	Q.Đới	Thực KỶ	TÝ	Đ.Vượng
Giáp	Bính	Mậu	Át	Át		Mậu	Ất	Quý	Bính	Mậu	Canh
Án	Kiếp	Thương	Kiêu	Kiêu		Thương	Kiêu	Sát	Kiếp	Thương	Tài
L.Quan	T.Sinh	T.Sinh	L.Quan			Q.Đới	Q.Đới	Dưỡng	L.Quan	L.Quan	T.Sinh
Đại Vận 8 (76 - 85 tuổi)			Đại Vận 9 (86 - 95 tuổi)			Đại Vận 10 (96 - 105 tuổi)			Đại Vận 11 (106 - 115 tuổi)		
Tài CANH	NGỌ	M.Dục	T.Tài	MÙI	Suy	Quan NHÂM	THÂN	T.Sinh	Sát QUÝ	DẬU	Bệnh
Đinh	Kỷ		TÂN	Át	Đinh	Canh	Mậu	Nhâm	Tân	T.Đới	
Tỷ	Thực		Kỷ	Át	Đinh	Tài	Thương	Quan	T.Đới	T.Tài	
L.Quan	L.Quan		Thực	Kiêu	Tỷ	CANH	Đường	Bệnh	L.Quan	L.Quan	
Thương MẬU	DẦN	T.Sinh	Án GIÁP	MÃO	Đ.Vượng	2000	13 tuổi	T.Tài	1996	9 tuổi	T.Đới
1988	1 tuồi	Q.Đới	2004	7 tuổi		1995	8 tuổi	TÂN	1991	4 tuổi	
Thương MẬU	1993	6 tuổi	Án GIÁP	1994	Dưỡng	Kiêu ẤT	HỢI	TY	1997	10 tuổi	
1998	11 tuổi		Thực KỶ	1999		2005	18 tuổi	Kiếp BÍNH	2006	19 tuổi	
2003	16 tuổi		Án GIÁP	2004	Tuyệt	Kiêu ẤT	DẬU	TỶ	2007	20 tuổi	
2008	21 tuổi		Thực KỶ	2009		2010	23 tuổi	T.Tài	2011	24 tuổi	
2013	26 tuổi		Án GIÁP	2014		2015	28 tuổi	Kiếp BÍNH	2016	29 tuổi	
2018	31 tuổi		Thực KỶ	2019		2020	33 tuổi	TÂN	2021	34 tuổi	
2023	36 tuổi		Án GIÁP	2024		2025	38 tuổi	Kiếp BÍNH	2026	39 tuổi	
2028	41 tuổi		Thực KỶ	2029		2030	43 tuổi	TÂN	2031	44 tuổi	
2033	46 tuổi		Án	2034		2035	48 tuổi	Kiếp	2036	49 tuổi	

QUÝ	SƯU	Q.Đới	GIAP	DAN	L.Quan	AI	MAO	L.Quan	BINH	I HIN	Q.Đới	ĐINH	I Y	Đ.Vượng
Thương MẬU	2038 NGỌ	51 tuổi Đ.Vượng	Thực KỶ	2039 MÙI	52 tuổi Q.Đới	Tài CANH	2040 THÂN	53 tuổi L.Quan	T.Tài TÂN	2041 DẬU	54 tuổi L.Quan	Quan NHÂM	2042 TUẤT	55 tuổi Q.Đới
Sát QUÝ	2043 HỢI	56 tuổi Đ.Vượng	Án GIÁP	2044 TÝ	57 tuổi M.Dục	Kiêu ẤT	2045 SỬU	58 tuổi Suy	Kiếp BÍNH	2046 DẦN	59 tuổi T.Sinh	Tỷ ĐINH	2047 MÃO	60 tuổi Bệnh

Kim | Hỏa | Thủy | Thổ | Mộc | ⚡ Thiên khắc địa xung

Giới Thiệu

Thân chào Quý Anh Xemtuong,

Chúng tôi xin gửi đến Quý Anh Xemtuong lá số tử trù này và luận giải cùng Quý Anh những vấn đề mà Quý Anh đang quan tâm trong lá số. Trong phần bình giải Quý Anh hãy xem kỹ câu nào đúng với mình nhất và bỏ qua những câu không đúng, vì trong phần bình giải chúng tôi nhập rất nhiều lời giải, bao gồm những lời giải ví dụ cho các trường hợp khác mà có thể trong lá số Quý Anh không có.

Trước khi vào phần chi tiết thì chúng tôi xin nói sơ về tử trù, bát tự hay tử trù là dùng phương pháp cân bằng ngũ hành để bù khuyết cho những ai có ngũ hành thiếu như thiếu mộc, hỏa, kim, thủy nhằm cải vận cho vận trình của cuộc đời, mang lại hạnh phúc và thành công trong cuộc sống thông qua học thuật mệnh lý. Môn mệnh lý học này giúp Quý Anh dự đoán vận trình may rủi trong đời người thông qua bốn trụ: năm, tháng, ngày và giờ mà con người được sinh ra.

Trải qua hàng ngàn năm, bát tự giúp người ứng dụng dự đoán phần nào những sự việc sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày, từ hôn nhân đến sự nghiệp, thời tiết... nhằm đem lại sự thuận lợi cho cuộc sống.

Bát tự chú trọng đến cung vị. Nó cung cấp những tri thức để người dùng thông qua ngày tháng, năm sinh biết những chỗ thừa, chỗ thiếu nhằm tìm ra những yếu tố (dụng thần) giúp cân bằng sự thiếu hụt đó. Bát tự cho biết thời vận tốt xấu để người dùng dự đoán trước vận mệnh mình hòng tìm ra những yếu tố hợp lý để cải vận.

Cho dễ hiểu hơn, tử trù là dùng luật ngũ hành tương sinh tương khắc và theo qui tắc cứ quân bình là tốt: hễ “hành” nào thiếu thì đi vào vận có hành đó hoặc có một hành sinh ra nó (ví dụ thiếu hỏa, di vận có hỏa hoặc có mộc sinh hỏa) mới tốt.

Quý Anh nên lưu ý rằng tất cả các lời giải của chúng tôi điều là phán đoán dựa theo các sách dự đoán theo tử trù và kinh nghiệm cá nhân, do đó chúng tôi không bảo đảm tính chính xác và không chịu trách nhiệm với bất kỳ lý do gì về lời giải, Quý Anh cần phải xem [nội quy](#) trước khi xem tiếp để tránh rắc rối sau này.

Phần can chi 12 con giáp của tử trù được tính theo lịch tiết khí, do đó đôi lúc nó sẽ khác can chi 12 con giáp của lịch âm, như tử vi, bói toán. Do đó Quý Anh đừng nghĩ chúng tôi lập trình can chi 12 con giáp của phần tử trù này sai, mà là nó được lập theo lịch tiết khí nên sẽ khác lịch âm.

Phần tử trù này được chúng tôi viết mới hoàn toàn bằng ngôn ngữ web php, dưới sự giám sát chặt chẽ và cố vấn từ các chuyên gia mệnh học của XemTướng.net, và trong thời gian tới chúng tôi sẽ liên tục cập nhật những thuật toán mới để lá số được bình giải đúng và chính xác nhất.

Chúc Quý Anh mạnh khỏe, thành công và tìm được điều có ích sau khi xem vận mệnh!

Xemuong.net

Phân Tích Lá Số Tử Trù

Thông Căn của Nhật Nguyên

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù năm **Thìn Thổ** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trù tháng **Tuất Thổ** không thông căn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ ngày Mùi Thổ không thông cǎn (trường hợp ngoại lệ).

Nhật nguyên là **Đinh Hỏa** gặp địa chi trụ giờ Dậu Kim không thông cǎn (trường hợp ngoại lệ).

Sự thông cǎn của nhật nguyên là một thành phần để xét thân vượng và thân nhược. Cǎn càng nhiều thì can càng vững mạnh và khả năng thân vượng càng cao.

Điểm 0/10

Lệnh Tháng với tú trụ

Can Năm **Mậu** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Mộ** nên không được Lệnh tháng.

Can Tháng **Nhâm** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Quan** **Đới** nên được Lệnh tháng.

Can Ngày **Đinh** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Can Giờ **Kỷ** sinh tháng **Tuất** tọa ở **Dưỡng** nên không được Lệnh tháng.

Thai nguyên: Quý Sửu (Thai nguyên tức là tháng thụ thai)

Thai Tức: Nhâm Ngọ (Thai tức là một cặp can chi tương hợp với can chi ngày sinh)

Sau khi kết hợp can chi của Thai nguyên và Thai tức thì chúng tôi cho rằng giữa hai 2 địa chi Sửu Ngọ này bị tương hại cho nhau, hơi xấu.

Xét Cung Mệnh, Thai Nguyên và Tú Trụ

Thai nguyên **Quý Sửu** nạp âm là **Mộc**, gặp cung mệnh **Nhâm Tuất** nạp âm là **Thủy** là tương sinh, theo lý là cuộc đời Quý Anh được phúc lộc.

Thai nguyên **Quý Sửu** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ năm **Mậu Thìn** nạp âm là **Mộc** là bình hòa thì trong khoản thời gian ở tuổi thiếu niên cuộc sống bình hòa.

Thai nguyên **Quý Sửu** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ tháng **Nhâm Tuất** nạp âm là **Thủy** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi thanh niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Quý Sửu** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ ngày **Đinh Mùi** nạp âm là **Thủy** là tương sinh thì trong khoản thời gian ở tuổi trung niên được sung túc ấm êm.

Thai nguyên **Quý Sửu** nạp âm là **Mộc**, gặp trụ giờ **Kỷ Dậu** nạp âm là **Thổ** là tương khắc thì trong khoản thời gian ở tuổi già có biến động nhẹ.

Thai Nguyên và Cung Mệnh chủ đích nói về **Quí** và **Thọ**, nghĩa là xem mệnh được thuận hay bị xung khắc, trường thọ hay đoản thọ. Tương tự như Cục trong Tử Vi, 2 trụ này cho ta một cái nhìn khái quát về bản số và cuộc sống chung quanh. Khi Thai và Mệnh được sinh, không bị khắc chế, thì dù tú trụ kém cỏi, vẫn hưởng được an nhàn hay sống thọ. Cho đến nay, rất ít người dùng 2 trụ này để bồ túc cho tú trụ, hoặc chỉ có những người nghiên cứu lâu năm tự nhận thêm vào mệnh số, củng cố cho sự luận đoán của mình.

Xét Ngũ Hành Can Chi Tú Trụ

Chúng tôi thấy rằng trụ Năm **Mậu Thìn** là **Thổ** **Thổ** bình hòa.

Chúng tôi thấy rằng trụ Tháng **Nhâm Tuất** là **Thổ** **khắc** **Thủy**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Đinh Mùi** là **Hỏa** sinh **Thổ**.

Chúng tôi thấy rằng trụ Giờ **Kỷ Dậu** là **Thổ** sinh **Kim**.

Sau khi phân tích ngũ hành sinh khắc của tú trụ thì chúng tôi cho rằng Mệnh cục ngũ hành này chưa được tốt cho lắm, chưa lưu thông vẫn còn trở ngại, tuy nhiên chỉ cần khi thời cơ đến làm dụng thần đắc lực nắm quyền (khi đến đại vận và lưu niên phù hợp) thì vận khí sẽ đi lên và cuộc đời khi đó sẽ được tốt đẹp, may mắn.

Điểm 5/8

Xét thiên can địa chi trụ ngày

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ năm thì giữa hai cặp can chi Đinh Mùi và Mậu Thìn này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ tháng thì giữa hai cặp can chi Đinh Mùi và Nhâm Tuất này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Sau khi kết hợp can chi của Nhật Chủ và Trụ giờ thì giữa hai cặp can chi Đinh Mùi và Kỷ Dậu này không tương hợp cũng không tương khắc cho nhau, trung bình.

Thân Nhược: Hỏa 14/50

Qua phân tích can Nhật chủ với các thiên can địa chi trong tú trụ thì chúng tôi cho rằng Quý Anh có Thân

Hỏa Nhược, với số điểm phân tích của chúng tôi là **14/50** điểm. Tuy nhiên chúng tôi có thêm một thuật toán khác về thân vượng nhược mà ở đây **9/36** điểm cũng là thân Nhược do đó rất chắc chắn Quý Anh là **Thân Nhược Hỏa**. Để Quý Anh rõ hơn thì chúng tôi xin công bố điểm bình quân của cả hai cách tính thân vượng nhược, cách chính thì điểm bình quân là 25 điểm, cách phụ là 18 điểm, chỉ cần điểm tăng lên hay giảm xuống 1 điểm ở ranh giới thôi là kết quả vượng nhược khác nhau, dó đó hãy nhìn điểm bình quân để biết thân vượng nhược nhiều hay ít.

Theo lý nếu thân mà nhược thì dụng thần sẽ là một hành mà có thể sinh thêm cho thân nhược, còn nếu thân vượng thì dụng thần sẽ là một hành xung khắc với thân vượng để hãm bớt thân vượng. Ở đây là thân Nhược **HỎA** thì dụng thần nên là **Mộc** để sinh thêm **HỎA**, tuy nhiên đó chỉ là lý thuyết, hiện nay chúng tôi đang dùng một thuật toán tính dụng thần khác của chuyên gia mệnh học XemTuong.net, và có thể có dụng thần của chuyên gia khác với dụng thần lý thuyết, tuy nhiên nếu dụng thần lý thuyết trùng với dụng thần của chuyên gia thì sẽ thêm phần chắc chắn.

Về Dụng Thần

Dụng thần là cái làm cân bằng Tứ Trụ (trừ các trường hợp ngoại lệ). Từ dụng thần có thể dự đoán được mọi họa hay phúc của đời người qua các vận và lưu niên, nó không chỉ có thể giúp ta lập luận chính xác sự việc trong từng đại hạn hay tiểu hạn mà còn hỗ trợ chúng ta thoát những vận hiểm nghèo hoặc giúp ta bắt được những thời cơ tốt trong cuộc đời để mưu sự thành công. Có nghĩa là nếu dụng thần của Quý Anh là hỏa thì đến những năm có hành hỏa hoặc những tháng có hành hỏa như mùa hè hoặc làm thứ gì liên quan tới hành hỏa thì sẽ được vượng khí may mắn, công thành danh toại, bệnh tật tiêu trừ còn nếu làm những thứ chống lại dụng thần Hỏa như hành Thủy thì công việc đỗ bể, bệnh càng thêm nặng (lưu ý HỎA đây chỉ là ví dụ).

Ví dụ Quý Anh là một người có bối cảnh bát tự là cây cổ thụ ở giữa sông hồ, mưa phùn, gió lạnh, sinh ra lúc tờ mờ sáng, thiếu ánh mặt trời. Vậy Dụng Thần của Quý Anh là gì? Đó là HỎA và THỔ, vì HỎA sưởi ấm cho Quý Anh khỏi chết rét, THỔ san lấp ngăn chặn những dòng sông đổ về để Quý Anh không chết úng.

Dụng Thần: Mộc Thủy (cả 2 dụng thần ngang hàng nhau)

Dụng Thần là **Mộc** (dụng thần 1)

Hành Mộc đại diện cho màu xanh lá, màu của cây cối, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng hướng Đông. Mộc đại diện cho các ngành nghề liên quan đến Vật liệu gỗ, đồ gỗ, đồ gia dụng, đồ trang hoàng, gỗ thành phẩm, nghề giấy, trồng trọt, trồng hoa, nuôi cấy giống cây, các vật lễ thần, hương liệu, các thực phẩm có tố chất thực vật. Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Mộc** đều tốt cho Quý Anh vì **Mộc** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Mộc**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Dụng Thần là **Thủy** (dụng thần 2)

Hành Thủy đại diện cho xanh biển, màu đen, màu của nước, phương hướng phát triển thuận lợi là về hướng Bắc. Thích hợp với những nghề nghiệp và lĩnh vực kinh doanh liên quan đến các phương diện như: Hàng hải, các loại dung dịch lạnh khó cháy, băng tuyết, các loại cá, thủy sản, thủy lợi, đông lạnh, đóng băng, đánh bắt, dọn rác, nước chảy, cảng khâu, bể bơi, ao hồ, phòng tắm, buôn bán thực phẩm nguội, phiêu du, lướt sóng: các tính chất thuộc Thủy: lưu động, tính liên tục, dễ thay đổi, tính chất mang tính âm, sạch sẽ, làm việc trên biển, du lịch, biểu diễn, vận động, hướng dẫn viên, dụng cụ đồ chơi, ảo thuật, phóng viên, trinh thám, công ty du lịch, dụng cụ cứu hỏa, dụng cụ câu cá, ngành y học, kinh doanh dược phẩm, bác sĩ, y tá, bói toán... Chúng tôi không thể liệt kê ra hết tất cả các thứ, nhưng tóm lại những thứ có liên quan đến hành **Thủy** đều tốt cho Quý Anh vì **Thủy** là dụng thần của Quý Anh. Quý Anh có thể dùng bản tra cứu ngũ hành bên dưới để tra những thứ liên quan đến hành **Thủy**.

Quý Anh nên áp dụng triệt để dụng thần trong cuộc sống của mình như thích sử dụng các màu của hành dụng thần. Khi có tiền và điều kiện thì nên đầu tư vào lĩnh vực mà Quý Anh dụng thần thì cơ hội thành công sẽ rất cao.

Gợi ý chọn dụng thần

Thông thường chúng tôi đưa ra từ 2 đến 3 dụng thần cùng lúc, một trong những dụng thần này có cái sê tốt cho thân vượng và có cái sê tốt cho thân nhược và Quý Anh nên chọn 1 dụng thần để làm dụng thần chủ đạo, những dụng thần còn lại để làm phụ đạo. Nếu Quý Anh là **thân nhược** thì hãy chọn dụng thần **tương sinh** để sinh thêm cho thân nhược, còn nếu Quý Anh là **thân vượng** thì chọn dụng thần **tương khắc** để khắc hâm bớt thân vượng. Quý Anh hãy xem bản ngũ hành xung khắc bên dưới để biết thêm, mũi tên màu đỏ chỉ những hành xung khắc với nhau còn mũi tên màu xanh chỉ những hành sinh hợp với nhau.

Ngoài ra Quý Anh có thể dùng mèo nhỏ này để xem năm nào tốt với Quý Anh, ví dụ chữ dụng thần Quý Anh có chữ màu xanh lá và màu đỏ thì Quý Anh hãy xem trên lá số ở các ô đại vận lưu niên nào có hành can chi(con giáp) cùng màu với màu dụng thần thì đó là những năm dụng thần may mắn của Quý Anh, trùng một màu thì tốt ít, trùng cả hai can chi là tốt nhiều, trùng cả đại vận và lưu niên là cực tốt, đó chính là thời cơ để Quý Anh mưu sự làm ăn.

Thiên khắc địa xung

Trụ Năm Mậu Thìn bị Giáp Tuất thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Giáp Tuất**.

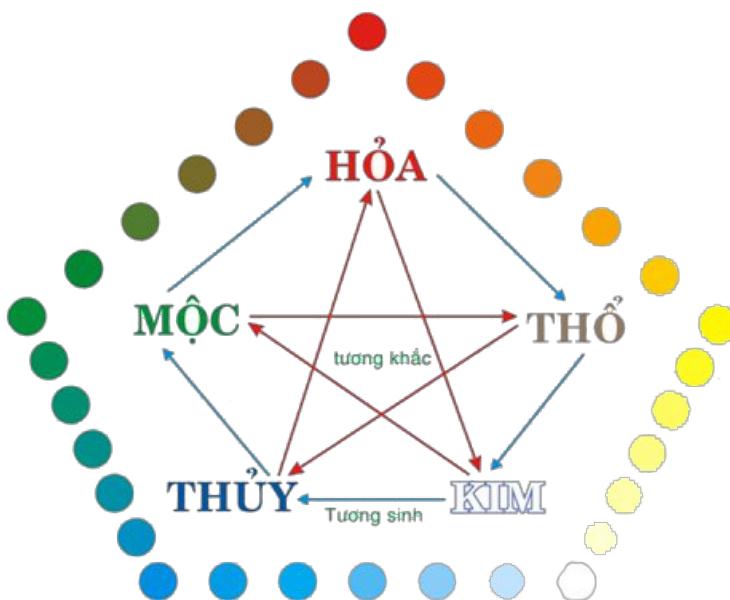
Trụ Tháng Nhâm Tuất bị Mậu Thìn thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Mậu Thìn**.

Trụ Ngày Đinh Mùi bị Quý Sửu thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Quý Sửu**.

Trụ Giờ Kỷ Dậu bị Ất Mão thiên khắc địa xung, cần lưu ý các trụ, đại vận, lưu niên có xuất hiện **Ất Mão**.

Theo chúng tôi nhật nguyên (hành can trụ ngày) sơ nhất thiên khắc địa xung. Vì vậy người đoán mệnh sau khi tìm ra Bát tự, cần lập tức xem thiên can địa chi "thiên khắc địa xung" là gì, xem đại vận (10 năm) có gặp hay không, lại xem niên vận từng năm có gặp hay không. Nếu như có, thì phải đặc biệt cẩn thận. Nghiêm trọng nhất là "thiên khắc địa xung" không chỉ ở trụ ngày, mà còn xuất hiện ở trụ năm, vì một khi đã xung là ảnh hưởng toàn bộ trọng tâm của Bát tự, đây là đại nạn. Khi tuổi gặp phải vận Thiên khắc địa xung, hoặc tháng xung, năm xung thì đều không nên đi lại nhiều mà nên nghỉ ngơi trong nhà, đây cũng là một cách để đề phòng vận hạn.

Cho dễ hiểu là Quý Anh nên cẩn trọng với những năm có sự xuất hiện của các Can Chi xung khắc với túc trụ, những năm đó rất xấu với Quý Anh, đặc biệt là ở trụ ngày. Quý Anh hãy nhìn lá số, ô nào có hình tin chớp màu đỏ là bị thiên khắc địa xung tại đó.



Bản Tra Ngũ Hành Tương Ứng:

Ngũ hành	Mộc	Hỏa	Thổ	Kim	Thủy
Thời gian trong	Rạng sáng	Giữa trưa	Chiều	Tối	Nửa đêm

Ngũ hành	Mộc	HỎA	THỔ	Kim	Thủy
Giai đoạn	Sinh Dương cực	Hoàn chỉnh Dương cực	Âm-Dương cân bằng	Sinh Âm cực	Hoàn chỉnh Âm cực
Năng lượng	Nảy sinh	Mở rộng	Cân bằng	Thu nhỏ	Bảo tồn
Bốn phương	Đông	Nam	Trung tâm	Tây	Bắc
Bốn mùa	Xuân	Hạ	Giao mùa (18 ngày cuối các mùa)	Thu	Đông
Thời tiết	Gió (âm)	Nóng	Âm	Mát (sương)	Lạnh
Màu sắc	Xanh Lục	Đỏ	Vàng	Trắng/Da Cam	Đen/Xanh lam
Thế đất	Dài	Nhỏ	Vuông	Tròn	Ngoắn ngèo
Trạng thái	Sinh	Trưởng	Hóa	Thâu	Tàng
Vật biểu	Thanh Long	Chu Tước	Kỳ Lân	Bạch Hổ	Huyền Vũ
Mùi vị	Chua	Đắng	Ngọt	Cay	Mặn
Cơ thể	Gân	Mạch	Thịt	Da lông	Xương tuỷ não
Ngũ tạng	Can (gan)	Tâm (tim)	Tỳ (hệ tiêu hoá)	Phế (phổi)	Thận
Lục phủ	Đồm (mật)	Tiểu trướng (ruột non)	Vị (dạ dày)	Đại trướng (ruột già)	Bàng quang
Ngũ khiếu	Mắt	Lưỡi	Miệng	Mũi	Tai
Ngũ tân	Bùn phân	Mồ hôi	Nước dãi	Nước mắt	Nước tiểu
Ngũ đức	Nhân	Lễ	Tín	Nghĩa	Trí
Xúc cảm	Giận	Mừng	Lo	Buồn	Sợ
Giọng	Ca	Cười	Khóc	Nói (la, hét, hô)	Rên
Thú nuôi	Chó	Dê/Cừu	Trâu/Bò	Gà	Heo
Hoa quả	Mận	Mơ	Táo tàu	Đào	Hạt dẻ
Ngũ cốc	Lúa mì	Đậu	Gạo	Ngô	Hạt kê
Thập can	+Giáp, -Ất	+Bính, -Đinh	+Mậu, -Kỷ	+Canh, -Tân	+Nhâm, -Quý
Thập nhị chi	+Dần, -Mão	-Tỵ, +Ngọ	+Thìn, +Tuất, -Sửu, -Mùi	+Thân, -Dậu	+Tý, -Hợi
Trạng Thái	Sinh Trưởng	Nhiệt Năng	Đất Đại	Cứng rắn, Cố kết	Lưu Động, Không ngừng

Bình Giải Chung

Tổng Quan Người Thuộc Hỏa

Theo sách tướng Á Đông thì người thuộc Hỏa có nước da vàng, râu vàng, mũi lộ; lông mày thưa, ngực nỗi, bàn tay nhọn, trán dô; môi cong, răng lộ và nhỏ nhọn; đầu bằng và đỉnh đầu bằng; tay chân gầy khẳng, gân guốc; điệu bộ nhanh nhẹn; tai nhọn, tròng mắt khô; lưỡng quyền cao và tiếng nói mau.

Nhìn chung, người thuộc Hỏa hợp với phuơng Nam. Thích hợp với các nghề có liên quan tới văn hóa, nghệ thuật hoặc công việc kinh doanh những mặt hàng đó, chẳng hạn như ánh sáng, cắt tóc, thực phẩm, giáo viên, xuất bản, văn phòng phẩm...

Quý Anh Người Thuộc Hỏa Nhược

Người mà Hỏa suy thì dáng người góc nhọn, tướng gầy, da vàng, nói năng è à, dối trá, bản tính cay độc, làm việc thường chỉ nhiệt tình, hăng hái được lúc đầu, sau đó bỏ bê, có đầu mà không có cuối. Người Hỏa quá suy, cũng thường dễ mắc các bệnh như người Hỏa quá vượng (bệnh phàn mặt, răng, lưỡi), tuy nhiên, dễ mắc những bệnh liên quan tới hệ tiêu hoá hơn.

Cung Mệnh ở Tuất sao Thiên át

Quý Anh có tài nghệ thuật, tính ôn hoà.

Trụ năm của Quý Anh có Thương Quan

Trụ năm có thương quan (thương) nếu là kỵ thần thì tổ nghiệp phiêu tán, bạc phúc lắm tai ương. Trường hợp can chi đều thương quan thì một đời tai nạn tật ách. Năm vận thương quan thì mặt có theo. Trường hợp năm thương quan tháng chính tài mà hai sao đó là hỷ dụng thần thì phát đạt phú quý nhưng nếu là kỵ thần thì có tai ách. Trường hợp năm và giờ đều có thương quan và là kỵ thần thì khắc con. Nếu là hỷ thần thì có thể giải được c.

Trụ tháng của Quý Anh có Chánh Quan

Trụ tháng có chính quan (quan) là em trai trên có anh chị được bô mẹ nuông chiều, một đời ít vất vả. Kỵ năm hoặc giờ can có thương quan thì khắc tốn tuy hiên nếu có chính tài hoặc thiên tài, hay chính án thì có thể giải được c. Ngoài ra nếu chính quan tọa tướng tinh thì song thân quyền quý hiển đạt; là người chính trực đôn hậu.

Trụ ngày của Quý Anh có Thực Thần

Trụ ngày có thực thần (thực) thì bạn đời béo khỏe tính cách ôn hòa được trợ giúp cuộc sống bình an, ổn định. Nếu túr trụ có thiên án ((kiêu) mà không có thiên tài (tài) thì sự nghiệp làm ăn có đầu không đuôi, giữa đường trắc trở.

Trụ giờ của Quý Anh có Thực Thần

Trụ giờ có thực thần (thực) thì con cái hòa thuận, không lo kế sinh nhai. Có tài ăn nói, thích hưởng thụ. Nếu tọa kiến lộc, vượng địa thì con cái tất phát đạt. Nếu tọa thiên án (kiêu) thì con gái khó lấy chồng, con trai lâm bệnh tật.

Trụ tháng bị trụ năm thiên khắc địa xung

Trụ năm và trụ tháng gặp Thiên khắc địa xung. Cha mẹ không vẹn toàn mà phần nhiều là khắc cha hơn khắc mẹ.

Chi năm và chi tháng xung

Năm chi và tháng chi xung: Không lợi cho mẹ cho nên mẹ có thể bị mất hoặc có thể xa cách. Nếu có quan sát hỗn tạp vào là khắc cả cha lẫn mẹ. Sống ở xa quê nhà.

Trong trụ của Quý Anh có Tiền Thần Quý

Tiền thần quý chủ tính ngay thẳng quyết đoán, gặp việc cứ tiền hành thì tốt nhưng lùi bước ngược lại thành xấu. Mệnh nữ nếu ngày tiền thần lại có sao đào hoa (hàm trì, diên trì) cùng trụ thì dung mạo đẹp đẽ nhưng hiếu sắc, nếu có mang sao quan là mệnh nghiêng nước nghiêng thành.

Ngày sinh của Quý Anh là ngày Lục Tú

Ngày lục tú chủ tướng mạo tuấn tú, thông minh, đa tài, thích làm về văn hóa nghệ thuật.

Trong tú trụ Quý Anh có ám lộc

Ám lộc Cho biết có sự bần cùng, tính không chân thật.

Trong tú trụ Quý Anh có Dương Nhận

Dương Nhận cho biết Quý Anh hung bạo, ngang tàng, thô bạo, nóng nảy, gấp gáp.

Tú Trụ của Quý Anh có Thiên Trù

Thiên trù quý nhân: Được ơn huệ chu cấp quần áo lương thực, một đời không phải lo nghĩ.

Tú Trụ của Quý Anh có Thái cực quý nhân

Thái cực quý nhân: Dễ được cấp trên hay quý nhân giúp đỡ, về già hưởng phúc, kỵ không vong hình xung khắc phá.

Tú Trụ của Quý Anh có Thiên át quý nhân

Thiên át quý nhân: Chủ về thông minh đầy đủ trí tuệ, gặp hung hóa cát dễ được quý nhân cất nhắc giúp đỡ. Gặp tam hợp, lục hợp thì phúc đức gia tăng, tài phú thịnh vượng. Nếu hợp hóa với hỷ dụng thần thì trăm sự đều thuận. Ở vận vượng thì phú quý, một đời ít bệnh.

Tú Trụ không tài, lộc nhưng có Dương Nhận

Trú trụ không có tài, lộc chỉ có Dương nhẫn thì khi hành vận đến lộc vận lại xấu.

Trụ ngày Dương Nhẫn

Ngày có Dương nhẫn thì nam khắc vợ, nữ khắc chồng

Tú trụ có Dương Nhẫn

Dương nhẫn: là sao có đặc thù hình phạt, cần phải không xung không hợp có chế ngự mới tốt.

a: Dương nhẫn gặp hình xung thì hại người.

b: Hội hợp thì lao khổ vất vả.

a: Ngày chủ vượng kỵ Dương nhẫn. Ngày chủ xung thích Dương nhẫn hộ vệ bảo vệ thân thể.

b: Sao sát không có Dương nhẫn không hiển lộ. Dương nhẫn không có sao sát thì không có uy.

c: Trong Mệnh có Dương nhẫn, thiên quan càng vượng lại có chính án tiếp trợ gọi là "Sát án tương sinh"

Dương nhẫn trợ uy không gì không quý hiển.

d: Mệnh nam nhiều Dương nhẫn: cung vợ có tốn thất. Mệnh nữ nhiều Dương nhẫn: lảng lơ hoang dâm.

e: Ngày chủ mạnh, mệnh cục có Dương nhẫn, không có thiên quan. Năm vận gặp thiên quan vượng: Chuyển họa thành phúc, hoặc có sao án không có thiên quan: năm vận gặp thiên quan vượng có phúc.

f: Trong mệnh sao sát, Dương nhẫn đều có: hành vận Dương nhẫn Kiếp sát, lập nghiệp công danh, hoặc thủ nghĩa xả thân thành danh.

g: Dương nhẫn ở vận tử, tuyệt cùng trụ: tính tình độc ác. Với Mộc dục cùng trụ: gặp bệnh hiểm nghèo.

h: Dương nhẫn xung hợp năm vận: gặp phúc tất tai nạn sẽ đến.

j: Tài là kỵ thần: Chi gặp Dương nhẫn can là sao tài gọi là nhẫn đầu tài. Chi tọa kiến lộc can là sao tài gọi là lộc đầu tài. Năm vận gặp Dương nhẫn hoặc sao tài thì vì tài mà mất danh hoặc vợ chồng gặp chuyện thị phi, trộm cắp thương thân.

Trụ ngày có Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ

Dương nhẫn và Kiếp tài cùng trụ: tính tình cứng rắn.

Trụ ngày có Chính án và Dương nhẫn cùng trụ

Chính án và Dương nhẫn cùng trụ: tuy có công danh nhưng bị hãm vào bệnh tật.

Trụ ngày có Dương nhẫn

Ngày có Dương nhẫn: Vợ hoặc chồng yếu đau bệnh tật.

Tú Trụ có Hoa Cái

Hoa cái chủ về nghệ thuật, tôn giáo nhưng cô độc. Thông minh đầy đủ tài nghệ, tính cô độc, kỵ không vong hình xung phá.

Âm dương lệch (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 163)

Nữ gặp phải là chị em dâu không toàn vẹn, hoặc bị nhà chồng từ chối.

Nam gặp phải là bị nhà vợ từ chối, hoặc cãi cọ mâu thuẫn với nhà vợ.

Gặp phải sát này, bất kể nam hay nữ, tháng, ngày, giờ có hai hay ba cái trùng nhau là rất nặng.

Trụ ngày phạm phải là chủ về không được gia đình chồng (vợ) ủng hộ, dù có được nhờ thì vẫn là hư vô, thậm chí về sau còn oán lẫn nhau, không đi lại nữa.

Âm dương lệch nhau thì rất xấu, là tiêu chí thông tin rõ nhất về hôn nhân không thuận, trong thực tế rất ứng nghiệm.

Học Đường (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 137)

Học đường, từ quán chủ về tú khí phát sinh, thông minh khéo léo, văn chương nổi tiếng, cuộc đời giàu sang.

Nên được sinh vượng không nên bị khắc hại, xung, phá.

Nếu có thiên ất quý nhân hoặc cát tinh phù trợ thì tốt, nếu không thì tài năng khó thi thoả, ý chí bị bó buộc.

Tú quý nhân (trích sách Dự Đoán Theo Tú Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 132)

Có tú quý nhân là hòa hợp với tú khí ngũ hành trong trời đất biến hóa mà thành. Tú quý nhân là khí thanh tú của trời đất, là thần vượng bốn mùa; Người trong mệnh có tú quý nhân mà không bị xung phá, khắc áp thì tính thông minh, ôn hòa trung hậu, nếu gặp học đường quý nhân thì có tài quan, cao sang, nếu bị xung khắc thì bị giảm yếu. Tóm lại tú quý nhân cũng là một loại quý nhân, nó có thể biến hung thành cát. Trong mệnh có nó là người thành thật, tinh thần sáng sủa, nghĩa hiệp thanh cao, tài hoa xuất chúng.

Thiên xá (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 143)

Thiên xá là ngôi sao gắp hung hóa cát, sao giải tai hoạ. Trong mệnh gặp nó là có cứu. Đặc biệt đối với người có tội là có dịp may được hoàng đế đại xá, cho nên là sao tốt.

Cẩu (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 153)

Dương nam, âm nữ ngôi thứ ba sau mệnh là cẩu. Âm nam, dương nữ ngôi thứ ba trước mệnh là cẩu. Cẩu nghĩa là liên lụy. Năm hành đến đó thường gặp chuyện cãi cọ, hình phạt. Ngày tuế vận gặp cẩu hay giảo là chủ về tai nạn nát thân.

Hàm trì / Đào hoa

Người mà tú trù gặp đào hoa, không những bản thân đẹp, mà cha mẹ, anh em, vợ (chồng) con cũng đẹp. Những người đẹp, thông minh, nghệ nhân phần nhiều đều có. Vì đào hoa có cát, có hung nên khi gặp tổ hợp không tốt là chủ về sự phong lưu trăng gió, quan hệ mờ ám giữa nam nữ. Nữ, Nếu tháng sinh gặp hàm trì thì vợ chồng đều có ngoại tình.

Văn xương (trích sách Dự Đoán Theo Tứ Trụ của Thiệu Vĩ Hoa trang 128)

Văn xương nhập mệnh chủ về thông minh hơn người, gặp hung hóa cát. Tác dụng của nó tương tự như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên ất quý nhân.

Xem kỹ văn xương quý nhân ta thấy, cứ "thực thần" lâm quan là có văn xương quý nhân. Do đó mà gọi là văn xương tức thực thần kiền lộc.

Người văn xương nhập mệnh thì khí chất thanh tao, văn chương cử thế. Nam gặp được nội tâm phong phú, nữ gặp được thi đoan trang, ham học ham hiểu biết, muốn vương lên, cuộc đời lợi đường tiến chức, không giao thiệp với kẻ tầm thường.

Trong thực tiễn, người có văn xương quý nhân sinh vượng, thường dễ đạt các trường chuyên khoa, đại học, lợi về đường học hành thi cử.

Ông Bà Cha Mẹ

Kinh nghiệm cuộc sống cho ta biết, phàm là người có một ít thành đạt trong sự nghiệp đều là những người nghe lời cha mẹ, không quên công ơn dưỡng dục của cha mẹ. Đó cũng là những người con có hiếu. Còn những người lười biếng, ích kỷ, không coi trọng chữ tín, làm những điều tai ác ngược đạo lý ở đời, ngược với lợi ích của xã hội và nhân dân thì đều là những người không có hiếu.

Hiếu kính cha mẹ là thiên đức làm người, cũng là cơ sở để thành công trong sự nghiệp. Ngày xưa các vua khi tuyển dụng người tài, đầu tiên xem người đó có phải là người con hiếu không. Vì người ta cho rằng, ngay đến cha mẹ là người sinh thành dưỡng dục mình mà mình cũng không có hiếu thì làm sao có thể tận trung với vua được. Cách nói đó rất có lý. Ngày nay không ít người khi kết bạn, tìm người yêu, có những Giám đốc khi tuyển dụng người giúp việc hoặc thư ký cũng đều lấy chữ hiếu làm điều kiện quan trọng. Vì người hiếu kính với cha mẹ phần nhiều trung thành với bạn bè, trung thực trong tình yêu, tận tâm với công việc và với lãnh đạo, tận tình trong chức trách và luôn có tinh thần phấn đấu vươn lên, không gây rối trong tập thể.

**Can chi năm ngang hòa nhau là cha mẹ yêu nhau nhưng cũng không tránh đôi lúc cãi vã
Trụ năm hoặc trụ tháng Quý Anh gặp 2 quý nhân trở lên**

Trụ năm hoặc trụ tháng gặp quý nhân là cha mẹ đẹp và nho nhã, thanh lịch.

Trụ tháng gặp tài, quan vượng là cha mẹ vinh hiển.

Trụ năm Quý Anh sinh hợp với nhật nguyên thì được cha mẹ yêu.

Can năm hoặc chi năm, can tháng hoặc chi tháng là hổ thằn, hoặc dụng thằn là được hưởng phúc tổ tiên hoặc được cha mẹ nuông chiều.

Một người có thể rất hiếu thuận với cha mẹ nhưng trong Tứ trụ lại khắc cha, khắc mẹ, đó là điều khách quan. Người khắc nhẹ thì không có lợi cho cha mẹ, khắc nặng có thể khắc chết. Như có người khắc cha mẹ từ thời kỳ còn nhỏ đã mất cha mẹ, thậm chí có những em bé mệnh cứng, tính khắc rất mạnh vừa sinh ra mẹ không chết thì cha chết, thậm chí mất cả cha lẫn mẹ trở thành trẻ mồ côi rất đáng thương.

Tú trụ của một người có thông tin khắc cha mẹ thì dùng biện pháp gì để hóa giải được ? Đây là vấn đề mà mỗi người nên quan tâm. Căn cứ tổng kết các Tú trụ, phàm những người có con tính khắc mạnh mẽ, nói chung là người ấy có tài, sau khi lớn lên không làm quan to thì cũng là người phú quý giàu sang. Do đó cách giải phải căn cứ vào tính khắc to hay nhỏ mà quyết định. Đối với những người con có tính khắc mạnh thì nên đưa lên chùa để cho những người tu hành nuôi dưỡng. Cũng có người lại nhờ người bố mẹ nuôi. Có người từ nhỏ đã phải nhờ các nhà sư làm thầy. Những trẻ em như thế sẽ có lợi cho cha mẹ. Hoặc đối với những trẻ em bị cha mẹ khắc cũng làm như thế thì cha mẹ mới vẹn toàn và cũng không bị mất con. Nếu không dùng cách giải cứu đó thì hoặc cha mẹ không song toàn, hoặc không bao đảm được con cái. Cho nên xưa nay có không ít những danh nhân hay người giàu ban đầu được lớn lên từ trong chùa, đến khi học được văn võ song toàn sau đó mới ra đời lập nghiệp. Thực tế chứng minh rằng một người trong Tú trụ có tiêu chí thông tin khắc cha mẹ, nếu sống xa cha mẹ thì có thể tránh được sự xung khắc đó.

Trụ năm Quý Anh có thương quan là không lợi cho cha

Đề cương lệnh tháng bị xung khắc thì gây tổn thất cho cha mẹ và người thân, hoặc bị lì dì.

Trụ ngày, trụ giờ Quý Anh đều có thực thần là khắc mẹ, hoặc bản thân người ấy lúc chết không gặp con.

Có người sản nghiệp ông cha hùng hậu, nhưng Tú trụ của mình lại thân nhược không thể thắng tài cho nên không thừa kế nổi sản nghiệp của ông cha, thậm chí ngày càng nghèo đi. Cuối cùng sản nghiệp của ông cha bị tan nát vì tay mình, với người như thế không thể nói là có mệnh phú quý cho dù ở trong một gia đình giàu có. Ngược lại, có những đời ông cha nghèo khổ, nhưng tổ hợp sắp xếp Tú trụ của người đó tốt, chẳng qua vì vận tốt đến thì trở thành phú ông giàu có. Người có mệnh như thế gọi là mệnh phú quý.

Quan gặp vượng địa thì ông cha vinh hiển.

Ngày thông với lệnh tháng là nhờ tổ tiên mà yên ổn.

Lệnh tháng bị xung khắc thì bại sản tổ nghiệp.

Năm tháng xung nhau thì khó giữ được tổ nghiệp.

Thiên quan mà có chế ngự thì không phải là hung, có cơm ăn áo mặc đầy đủ.

Trụ năm là thắt sát, tì kiếp, thương quan là ông cha đói rách.

Can năm đóng ở tử tuyệt, menses hoặc bị hình, xung, khắc, là tổ tiên suy bại.

Âm dương xô lệch nhau là giao thiệp bạn bè ít.

Anh Em Huynh Dê

Tì kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Tì kiếp Quý Anh đóng ở lộc hoặc gặp quý nhân là anh chị em giàu có đầy đủ

Trụ tháng Quý Anh gặp quan tinh là anh em quý trọng nhau.

Tháng và ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là anh em hoà thuận.

Mệnh Quý Anh gặp hoa cái là anh em ít.

Lệnh tháng Quý Anh gặp xung là anh em mỗi người một phương.

Trong Tú trụ Quý Anh không có tì kiếp và ấn tinh là từ bé đã gặp vận tì kiếp, bản thân nhờ anh em họ hay bạn bè nuôi dưỡng lớn lên.

Gia Đạo Tình Duyên

Trước khi vào phần bình giải về gia đạo tình duyên thì chúng tôi xin đưa ra những tuổi hợp với Quý Anh về hôn nhân như sau.

Quý Anh Nam tuổi **Mậu Thìn** hợp với Nữ tuổi **Canh Ngọ - Quý Dậu** về hôn sự.

Chúng tôi lấy trụ năm của nam nữ tương sinh tương hợp làm chính chứ không đòi hỏi mệnh của nam nữ tương sinh. Nếu trụ năm của hai bên tương sinh tương hợp, mệnh năm lại tương sinh thì tất nhiên càng tốt. Chúng tôi chọn tuổi phối hôn nam nữ là chọn những năm sinh phối hôn tốt nhất, lý tưởng nhất, là lấy theo đề phòng khắc chồng khắc vợ làm mục tiêu chính. Bên cạnh đó những phương pháp phối hôn theo cách cổ đại vẫn có thể dùng được. Nói như thế nghĩa là chọn cách phối hôn theo chúng tôi cũng được hoặc theo cách cổ cũng được, Quý Anh có thể tuỳ ý chọn.

Thương quan Quý Anh bị thương tổn nặng, có hợp là lấy vợ, lấy chồng không cần cưới.

Quý Anh có Thực thần đơn độc là cuộc sống yêu hòa, có con, thọ.

Trụ ngày Quý Anh tương sinh cho nhau là vợ chồng đầm thắm, can sinh chi là chồng yêu vợ, chi sinh can là vợ yêu chồng.

Chúng tôi thấy rằng trụ Ngày **Đinh Mùi** là **Hỏa** sinh **Thổ**.

Nam gặp thương quan là có kết hôn hai lần, nữ gặp thương quan là có tái giá.

Quý Anh gặp Ngày lệch âm, dương là không có lợi cho hôn nhân, nam nữ gặp phải như thế tất sẽ phải tái hôn. Ngày lệch âm, dương là không có lợi cho hôn nhân, nam nữ gặp phải như thế tất sẽ phải tái hôn. Ví dụ : bính tí, kỉ sửu, mậu dần, tân mão, nhâm thìn, quý tị, bính ngọ, đinh mùi, mậu thân, tân dậu, nhâm tuất, quý hợi.

Trụ năm của vợ hoặc chồng gặp thiên khắc, địa xung thì dễ có nỗi buồn sinh tử biệt ly.

Quý Anh bị Quan sát hỗn tạp, thương quan nhiều, nếu nam gặp phải là người ham mê tữu sắc, nữ gặp phải là người theo trai.

Quý Anh Gặp phải vận thương quan là nam khắc vợ, nữ khắc chồng gặp phải tuế quản bị khắc phải đề phòng vợ chồng đều bị tổn thương.

Kiếp tài của nam là vợ

Chi ngày là sao vợ, tháng là cung hôn nhân, ngày là cung phối hôn.

Quý Anh có Quý nhân đóng ở ngày là vợ hiền lành, đẹp, có danh tiếng.

Chi ngày Quý Anh là thìn tuất sửu mùi thì vợ bình thường

Mệnh nam Quý Anh lấy suy làm hại.

Quý Anh Vận nam hợp với tài là vợ sớm.

Ở tuổi thanh niên nếu đại vận lưu niên gặp Kiếp Tài thì sẽ kết hôn năm đó.

Đại vận, lưu niên tam hợp tài là có tin mừng về cưới hỏi.

Quý Anh có Thương quan bị chế khắc thì vợ là người có nghĩa khí.

Quý Anh Người trong Tứ trụ không có kình dương, hành vận đến lúc gặp kình dương thì hao tài và khắc vợ con

Quý Anh có Trụ ngày không có tài là xa lìa vợ.

Quý Anh có Trụ ngày phạm hoa cái là khắc vợ.

Công Danh Sự Nghiệp

Tài vận với tú trụ

Một người có cửa hay không, hoặc cửa nhiều hay ít, khi nào thì gặp vận có cửa, tìm nó ở phương nào, nguồn của nó ra sao, khi nào cầu tài hay đầu tư có lợi, tất cả những điều này liên quan ít nhiều đến phát tài, đều được tàng chứa trong Tứ trụ giờ sinh tháng để của mỗi người. Do đó bắt kể là đơn vị quốc doanh hay cá

nhân, nếu không biết được các thông tin về tài vận, không nắm được thời cơ tài vận mà mở doanh nghiệp một cách mù quáng thì nhất định khó tránh khỏi được hao tài tốn của.

Cũng có người nhìn thấy người khác làm ăn nêu nổi, tự mình đã qua nên không thể nào phát tài được nữa. Người xưa có câu : "Có cửa không bằng sắp phát tài, sắp phát tài không bằng biết giữ của lại". Cho nên muốn biết được các thông tin về tài vận, phải hướng đến điều may, tránh xa cái bất lợi, trước phải dự đoán sau mới hành động. Như thế mới gọi là "tự mình nắm vững vận mệnh của mình". Đối với từng người là thế , đối với các xí nghiệp nhà nước lại càng cần phải thế.

Thực thần Quý Anh có cát thần phù giúp thì giàu có tiếng.

Quý Anh thân suy nếu không thắng tài sẽ là người vất vả.

Quý Anh có Thiên tài gặp quan kiêm thực thần thì chắc chắn vinh hoa.

Thương quan bị thương tổn khi hết thương tổn, trở lại sinh tài thì chầu báu tự nhiên mà đến.

Thất sát có chế ngự là người đại quý.

Quý Anh Trong trụ vốn có quan tinh thì nên hành đến tài vận, hành tài vận sẽ sinh quan.

Có nghĩa chờ đến đại vận lưu niên có Tài sẽ sinh Quan.

Quý Anh Quan vượng, thân nhược, đến vận mà gặp Quan nữa thì tai hại vô cùng, phá tài là chắc chắn.

Có nghĩa đến đại vận hoặc lưu niên có Quan thì tai hại

Quý Anh có Thực thần mà đến những năm đại vận và lưu niên nếu gặp Tỷ là tài vật hao tán.

Tứ trụ Quý Anh không có tài để giữ cho mình khi ra ngoài cầu tài cần phải cẩn thận.

Quý Anh có Thương quan đến đại vận và lưu niên nếu gặp Quan là năm đó tai họa liên miên.

Quan Vận

Quý Anh Thương Quan có Nhẫn, có tài làm tướng.

Thất Sát Quý Anh có chế ngự, hưởng lộc phong hậu.

Quý Anh Vào ra nơi quyền quý, trên đầu quý nhân phải là Quan tinh (Trụ tháng có Thiên Ất quý nhân).

Trong trụ Quý Anh Thương Quan gặp Quan, không có Tài thì không có chức vị.

Quý Anh Có Quan mà không có Ân, quan giả.

Quan tinh sợ hình xung hại, không lợi làm quan.

Quý Anh có Quan Sát hỗn tạp, không quý hiển được.

Thiên Quan Quý Anh bị chế phục thái quá, là nhà Nho nghèo, thời nay là nhà giáo.

Quý Anh Có Sát không có Ân thiếu văn tài.

Quý Anh có Sát tàng Quan lộ, ẩn ác dương danh, ai mà gặp phải, danh chấn hương bang.

Quý Anh có Thương Quan không có chút Tài tinh, tuy thông minh cơ xảo cũng chỉ hư danh hư lợi.

Nghề Nghiệp

Quý Anh có Thực Thương phát tiết, hợp với những nghề văn chương, thư họa, giảng dạy, nghệ thuật.

Quý Anh có Thương Quan Thương tận, hợp nghề võ, như quân sự, cảnh sát.

Chính Quan Quý Anh là thủy, cá tính xuề xòa nhưng cũng rất lý tính, có mưu trí, thích hợp phát triển trong ngành công thương, thủy sản...

Quý Anh có Chính Quan Thiên Ân tương sinh, nghề gì có làm công ăn lương là hợp.

Thực Thần cách có cả Chính Quan và Thất Sát, hợp theo nghề không sản xuất, như y bốc tinh tướng, tam giáo cửu lưu...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Thương Quan, theo nghề có tính thách thức, mạo hiểm, đầu cơ như mậu dịch, gia công, nghiệp vụ, marketing...

Quý Anh có Thiên Tài gặp Chính Quan, nên theo nghề công vụ viên, thư ký, hành chính...

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là Thủy

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Thủy**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới thủy, như chạy việc bên ngoài, có tính lưu động, làm đá, trữ lạnh, hàng hải, du lịch, nhà thể thao, ký giả, hotel...Lợi hướng Tây Bắc, bất lợi Trung Nam.

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Mộc**

Tú trụ hỷ dụng thần Quý Anh là **Mộc**, nên theo nghề nghiệp có liên quan tới mộc, như lâm nghiệp, trồng trọt, kinh doanh đồ gỗ, đồ nội thất gỗ, văn nghệ, văn học, thầy giáo, nhà văn, giáo dục, hiệu sách, nhà xuất bản,công vụ, tư pháp, y liệu. Lợi Đông Bắc, không lợi Tây Nam.

Con Cái

Trẻ em sau khi sinh nói chung can ngày nên có khí, lệnh tháng sinh phù, trụ năm phải tốt, ấn tinh không bị thương tổn, tài quan có chế ngự, thất sát được hóa giải, thương quan có hợp khí trung hoà, không gặp hình xung khắc hại, thì em bé đó dễ nuôi và sống lâu.

Xem con cái nhiều hay ít chủ yếu phải xem sự vượng suy của trụ giờ và phải xem trong Tú trụ tử tinh (thực thần, thương quan) có bị khắc không. Người mà sinh tử tinh suy, tử tuyệt lại còn bị khắc hại tất sẽ không có con cái. Nếu sinh ngày canh, giờ ngọ, canh lύ át mộc làm vợ, át mộc sinh hoả khắc canh kim, giờ ngọ hoả ở vượng địa, là lộc của đinh hỏa cho nên sinh con cái nhiều mà phú quý. Nếu sinh vào các giờ tuất, hợi, tý là đât hỏa tuyệt thì con cái ít hoặc đứa con sinh ra cô độc, nghèo hèn, hoặc về sau trở thành tăng đạo.

Quý Anh có Quan tinh sinh vượng lại gặp được giờ trường sinh là con cái thông minh tuấn tú.

Quý Anh có Thực nhiều là sữa nhiều hoặc sẽ gửi con nuôi nhà khác.

Quý Anh có Thương quan đến vận gặp tài là có con.

Quý Anh Nữ mà thực nhiều, quan ít là chồng suy, con vượng.

Ngôi con ở đất vượng tướng là con thông minh,hiền hiếu, làm rạng rõ tổ tiên.

Trụ giờ Quý Anh được trụ ngày phù trợ là người tuổi cao vẫn còn có con.

Trong Tú trụ Quý Anh khi nào thực thần, thương quan chế ngự làm mất quan tinh thì mới có con.

Can giờ Quý Anh suy là sinh con gái.

Quý Anh có Thực thần đóng ở trụ giờ là con cái béo khỏe, đẹp.

Quý Anh có Đào hoa đóng ở trụ giờ là con cái đẹp, thông minh, phong lưu.

Người sinh vào ngày giờ bính, đinh thì mắt to, râu dài, trán hẹp, tuổi trẻ nhiều bệnh hoạn.

Sinh vào ngày giờ mậu, kỉ đầu to, trán rộng.

Người sinh vào các giờ tí, ngọ, mão, dậu là lúc sinh ra nằm ngửa.

Cha có thất sát là sinh con trai, quan tinh là sinh con gái. Mẹ có thất sát là sinh con gái, quan tinh là sinh con trai.

Cha có thương quan là sinh con gái, thực thần là sinh con tra. Mẹ có thương quan là sinh con trai, thực thần là sinh con gái.

Quý Anh có Can ngày và can giờ tương sinh cho nhau, nên sinh lần đầu là con gái.

Tứ trụ Quý Anh có thương quan gặp quan là hào con cái khó khăn.

Thương quan làm hại con cái, không có phúc về sau.

Quý Anh thân nhược là con cái ít và không phát đạt.

Trong trụ Quý Anh thực nhiều là thương quan tức ít con cái.

Quý Anh Trong trụ có kim thuỷ thì đứa con chậm nói.

Mão dậu đóng Quý Anh ở trụ giờ thì mắt to hoặc là mắt hiêng, bình thường hay lêu lổng chơi bời, thích xa rời cha mẹ. Nếu trong trụ có hình khắc thì có thể chột mắt.

Trong Tứ trụ Quý Anh có thương quan là vợ nhiều nhưng con ít.

Về dụ đoán đứa con chúng tôi chú trọng nghiên cứu lần sinh thứ nhất là con trai hay con gái và như thế nào thì sinh con trai, thế nào là sinh con gái. Còn những mặt khác chỉ nghiên cứu chung chung.

Sức Khẻo & Bệnh Tật

Quý Anh Kiêu đoạt Thực nên thường có bệnh.

Quý Anh có Nhật tọa Kiêu, hoặc Kiêu nhiều, bệnh do ăn uống mà gây ra.

Quý Anh có Thương quan trùng trùng, đề phòng đau ở eo, chân, xương.

Hỏa quá nhược hoặc tử tuyệt, dễ bị bệnh tim, bệnh bại huyết, viêm khớp, hôi chân, đau mắt. Tuổi còn trẻ thì dạ dày không tốt.

Thủy mộc sinh lấn nhau, tỳ vị thương tổn.

Hướng Dẫn Xem

Hướng Dẫn Cách Xem Vòng Trường Sinh

Trong lá số tứ trụ sau mỗi Can Chi (can là giáp ất bính đinh..., chi là tú sửu dần mão...) hay sau Thập Thành thì chúng ta điều thấy những tên trong vòng trường sinh xuất hiện như Đế Vượng, Lâm Quan, Quan Đới... Suy, Bệnh, Tử... Những tên trong vòng trường sinh đó cho ta biết sự mạnh yếu đối với cặp Can Chi đó hay sự mạnh yếu của 10 thành như; Tài, Quan, Án, Tỷ, Kiếp...

Sự mạnh yếu đôi khi có lợi và đôi khi có hại cho ta, ví dụ như gặp hung tinh tức cái khắc ta, nếu hung tinh đó yếu thì sự ảnh hưởng của nó sẽ nhỏ đi, còn đối với phúc tài tinh nếu mạnh thì sẽ phù trợ ta tốt hơn. Riêng Mộ còn gọi là Kho, Tài mà có kho tinh có nơi giữ tài, rất tốt.

Tóm lại vòng trường sinh cho ta biết sự mạnh yếu của từng sao, để biết sự mạnh yếu đến đâu thì Quý Anh hãy nhìn bản điểm.

Vòng Trường Sinh	Thai	Dưỡng	Trường Sinh	Mộc Dục	Quan Đới	Lâm Quan	Đế Vượng	Suy	Bệnh	Tử	Mộ	Tuyệt
Điểm	4.1	4.1	6	7	8	9	10	5.1	4.8	3	3	3.1

Hướng Dẫn Cách Xem Thập Thành

Thập thành còn được gọi là 10 thành, 10 thành này gồm có: **Thương**(Thương Quan), **Thực**(Thực Thành), **Tài**(Chánh Tài), **T.Tài**(Phiến Tài,Thiên Tài), **Quan**(Chánh Quan), **Sát**(Thất Sát), **Án**(Chánh Án), **Kiêu**(Phiến Án, Thiên Án), **Kiếp**(Kiếp Tài), **Tỷ**(kiên).

10 thành này đại diện cho tất cả những thứ chung quanh ta như: Ông bà, cha mẹ, cấp trên xếp, anh chị, bạn bè,

vợ chồng, chính ta, con cái, tiền tài, sự nghiệp... Dựa vào sự xuất hiện của 10 thần trên lá số và kết hợp sự mạnh yếu của vòng trùe sinh sẽ cho ta biết sự mạnh yếu của từng thần mà giải đoán lá số.

Quý Anh hãy xem hình minh họa phía dưới, những ô mà chúng tôi đóng khung đỏ bao gồm các Thần và vòng trùe sinh, đó là những thứ liên quan với nhau về sự mạnh yếu, để biết mạnh yếu thì nhìn vòng trùe sinh.

Nhìn vào hình minh họa chúng ta sẽ thấy các ô chữ nhật dài màu đỏ đầu tiên là những "lộ" thần, còn gọi là thần của Thiên Can, đây là những thần chính của túc trụ, tượng trưng những thứ bộc lộ ra bên ngoài, đến ô chữ nhật dài thứ hai là can chi của từng trụ và Quý Anh có thể nhìn vòng trùe sinh mà biết sơ về sự mạnh yếu của trụ đó, và để biết sự mạnh yếu của từng trụ phải phối hợp nhiều thành phần như sự xung khắc can chi ngũ hành giữ các trụ, sự bối cự các sao của trụ..., nếu Quý Anh chưa biết gì về túc trụ thì nên hiểu như vậy cho đỡ rối. Những (3) ô hình vuông xếp hàng dọc phía dưới là những thần tàng ẩn, còn gọi là thần của địa Chi, những thần này cho biết những sự việc tàng ẩn bên trong. Ví dụ ở thần lộ phía trên mà có Tài thì cho biết người đó hào phóng sang trọng(lộ ra ngoài), còn nếu có Tài ẩn và có Kho(mộ) như ở trụ năm cột thứ ba thì cho biết người này có tiền của(ẩn), bề ngoài thấy không sang trọng nhưng là người (sẽ) có tiền, và đôi khi kho chưa mở thì họ cũng không có tiền vì chưa gặp vận xung kho(phá mở kho).

Trụ Năm 1980			Trụ Tháng 04			Trụ Ngày 16			Trụ Giờ 17:17		
Thương		Dưỡng	Thương		Dưỡng	Thần		Tỷ	Suy	T.Tài	
CANH	THÂN	L.Quan	CANH	THİN	Dưỡng	KY	MÙI	Q.Đói	QUÝ	DẬU	Dưỡng
Canh	Mậu	Nhâm	Mậu	Át	Quý	Ký	Át	Đinh	Tân		
Thương	Kiếp	Tài	Kiếp	Sát	T.Tài	Tỷ	Sát	Kiêu	Thực		
Dưỡng	Q.Đói	Mô	Q.Đói	Q.Đói	Dưỡng	Suy	Q.Đói	Suy	Mô		

Ý Nghĩa của từng trụ:

- Trụ năm tượng trưng cho ông bà và tuổi thiêng niêng của Quý Anh
- Trụ tháng tượng trưng cho cha mẹ và tuổi thanh niên của Quý Anh
- Trụ ngày tượng trưng cho bản thân, vợ chồng và tuổi trung niên của Quý Anh
- Trụ giờ tượng trưng cho con cái và tuổi già của Quý Anh

Ý Nghĩa của 10 thần:

1. Quan (Chính quan) là cái khắc tói, đại diện cho quan chức tốt, chính trực trong chính quyền điều hành xã hội, mà con người phải tuân theo pháp luật nhà nước, nói chung chính quan được coi là cát thần, nhất là khi Thân vượng.

Công năng của chính quan trong mệnh là bảo vệ tài, áp chế Thân, khống chế Tỷ và Kiếp. Thân vượng tài nhược thì nên có chính quan để bảo vệ tài. Thân vượng mà ẩn nhược thì chính quan sẽ sinh ẩn và chế ngự Thân cho bớt vượng. Thân vượng kiếp nhiều thì chính quan sẽ khắc chế kiếp.

Trong mệnh chính quan đại diện cho chức vụ, học vị, thi cử, bầu cử, danh dự... Với nam Chính quan còn đại diện cho tình cảm với con gái. Vì nam lấy tài làm vợ, tài sinh quan và sát là con, nên nam lấy quan làm con gái, sát làm con trai (vì âm, dương khác với nhật can là con gái, giống là con trai).

Tâm tính của chính quan : chính trực, có tinh thần trách nhiệm, đoan trang nghiêm túc, làm việc có đầu có đuôi. Nhưng dễ bảo thủ cứng nhắc, thậm chí là người không kiên nghị.

2. Sát (Thất sát, thiên quan) là cái khắc tói, nó thường đại diện cho quan lại xấu trong chính quyền. Trong mệnh thất sát chuyên tấn công lại Thân, cho nên Thân dễ bị tổn thương, khi đó cần có thực thương tới để khắc chế thất sát thì lại trở thành tốt (nghĩa là bắt quan xấu phải phục vụ cho mình "thất sát hóa thành quyền bính"). Nói chung khi Thân nhược thất sát được coi là hung thần.

Công năng của thất sát làm tổn hao tài, sinh ẩn, công phá Thân, khắc chế Tỷ kiếp.

Trong mệnh thất sát đại diện cho chức vụ về quân cảnh, hoặc nghè tư pháp, thi cử, bầu cử ... Với nam thất sát còn đại diện cho tình cảm với con trai.

Tâm tính của thất sát, hào hiệp, năng động, uy nghiêm, nhanh nhẹn... Nhưng dễ bị kích động, thậm chí dễ trở thành người ngang ngược, truy lạc...

3. Ẩn (Chánh ẩn) là cái sinh ra tói, khi Thân nhược thường được coi là cát thần, ẩn có nghĩa là con dấu, đại diện cho chức vụ, quyền lợi, học hành, nghề nghiệp, học thuật, sự nghiệp, danh dự, địa vị, phúc thọ... Chính

Ấn là sao thuộc về học thuật và còn đại diện cho tình cảm của mẹ đẻ.

Công năng của chính ấn, sinh Thân, xì hơi quan sát, chống lại thực thương.

Tâm tính của chính ấn, thông minh, nhân từ, không tham danh lợi, chịu đựng nhưng ít khi tiến thủ, thậm chí còn chậm chạp, trì trệ....

4. Kiêu (Thiên ấn) là cái sinh phù tói, đại diện cho quyền uy trong nghề nghiệp như nghệ thuật, nghệ sĩ, y học, luật sư, tôn giáo, kỹ thuật, nghề tự do, những thành tích trong dịch vụ.... Nó còn đại diện cho tình cảm của dì ghê.

Công năng của thiên ấn sinh Thân, xì hơi quan sát để sinh cho Thân, chống lại thực thương . Mệnh có thiên ấn có thể phù trợ cho Thân nhược. Nhưng gặp thực thần là mệnh lao dịch, vất vả. Thiên ấn quá nhiều thì đó là người phúc bạc, bất hạnh, tật bệnh hoặc con cái khó khăn khi đó chỉ có thiên tài mới có thể giải được các hạn này. Người mà túc trụ có Thân vượng, còn có kiêu, tài và quan tất là người phú quý. Mệnh có thiên ấn lại còn gặp quan sát hỗn tạp (có cả chính quan và thiên quan, không tính Quan và Sát là tạp khí) là người thắng lợi nhiều mà thất bại cũng lầm. Nói chung khi Thân vượng thiên ấn được coi là hung thần.

Tâm tính của thiên ấn, tinh thông tay nghề, phản ứng nhanh nhạy, nhiều tài nghệ, nhưng dễ cô độc, thiếu tính người, thậm chí ích kỷ, ghê lạnh...

5. Tỷ (Kiên, Ngang vai) là ngang tói (là can có cùng hành và cùng dấu với Nhật Can), gọi tắt là tỷ. Đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, đồng nghiệp, cùng phe phái, tranh lợi, đoạt tài, khắc vợ, khắc cha ,... Nữ đại diện cho tình chị em, nam đại biểu cho tình anh em.

Công năng của ngang vai có thể giúp Thân khi Thân nhược, cũng như tài nhiều (của cải nhiều) nhờ ngang vai giúp Thân để khỏi mất của. Nhưng Thân vượng lại có ngang vai nhiều mà không bị chế ngự là tay chân cấp dưới không hòa thuận, hoặc kết hôn muộn, tính tình thô bạo, cứng nhắc, cố chấp, không hòa hợp với cộng đồng, khắc cha, khắc vợ, làm nhiều mà không gặp tiền của.

Tâm tính của ngang vai, chắc chắn, cương nghị, mạo hiểm, dũng cảm, có chí tiến thủ, nhưng dễ cô độc, ít hòa nhập, thậm chí cô lập, đơn cô. Nói chung khi thân vượng ngang vai được coi là hung thần (vì lúc đó nó tranh đoạt tài với Thân).

6. Kiếp tài cũng là ngang tói (là can cùng hành nhưng khác dấu với Nhật Can), gọi tắt là kiếp. Nó đại diện cho tay chân cấp dưới, bạn bè, tranh lợi đoạt tài, khắc vợ, khắc cha, lang thang... Thân vượng mà có nhiều kiếp cũng giống như ngang vai ở trên. Nữ đại diện cho tình anh em, nam đại diện cho tình chị em....

Công năng của kiếp cũng giống như của ngang vai.

Tâm tính của kiếp tài là nhiệt tình, thẳng thắn, ý chí kiên nhẫn, phần đầu bất khuất, nhưng dễ thiên về mù quáng, thiếu lý trí, thậm chí man động, liều lĩnh....

7. Thực (Thực thần) là cái mà nhật can sinh ra (cùng dấu với Nhật Can). Đại diện cho phúc thọ, người béo, có lộc. Nữ đại diện cho tình cảm với con gái.

Công năng của thực thần làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thất sát, làm quan bị tổn thương. Khi gặp sát thì có thể chế phục làm cho Thân được yên ổn không có tai họa, nên nói chung được xem là cát thần.

Tâm tính của thực thần, ôn hòa, rộng rãi với mọi người, hiền lành, thân mật, ra vẻ tốt bề ngoài nhưng trong không thực bụng, thậm chí nhút nhát, giả tạo. Can chi đều có thực thần thì phúc lộc dồi dào, nhưng không thích hợp cho người công chức mà thích hợp với những người làm nghề tự do. Mệnh nữ có thực thần là hay khinh rẻ chồng. Thực và sát cùng một trụ là người có dịp nắm quyền bính nhưng dễ bị vất vả, lao khổ, tai ách và ít con. Can có thực thần, chi có ngang vai là chủ về người có thân thích, bạn hữu hoặc tay chân giúp đỡ. Can là thực thần, chi là kiếp tài là chủ về người phúc đức giàu có, khi gặp điều xấu vẫn có lợi. Thực thần có cả kiếp tài, thiên ấn đi kèm là người dễ đoán thọ (?). Người tài nhiều thì diêm phúc ít. Thực thần lâm trường sinh vượng địa hoặc cát thần thì phúc lộc nhiều, phần nhiều là người phúc lộc thọ toàn diện. Thực thần lâm tử, tuyệt, suy thì phúc ít, bạc mệnh. Thực thần lâm mộ địa là người dễ chết yểu (?).

8. Thương (Thương quan) cũng là cái nhật can sinh ra (nhưng khác dấu với Nhật Can). Đại diện cho bị mất chức, bỏ học, thôi việc, mất quyền, mất ngôi, không chúng tuyễn, không thi đỗ, không lợi cho người nhà và

chồng. Nữ đại diện cho tình cảm với con trai.

Công năng của thương quan làm xì hơi Thân, sinh tài, đối địch với thắt sát, làm thương tổn quan. Số nhất là “thương quan gặp quan là họa trăm đường ập đến”. Nói chung thương quan được xem là hung thần, nhất là khi Thân nhược.

Tâm tính thông minh, hoạt bát, tài hoa dồi dào, hiếu thắng, nhưng dễ tùy tiện, thiếu sự kiềm chế ràng buộc, thậm chí tự do vô chính phủ....

Người thương quan lộ rõ (lộ và vượng) tâm tính thanh cao hiên ngang, dám chửi mắng cả quỷ thần. Nhật Can vượng thì lại càng hung hăng hơn, loại người này tính xấu. Những người bè trên cũng không dám đụng đến nó, kẻ tiểu nhân thì càng sợ mà lánh cho xa. Nhưng thương quan vượng mà Thân nhược thì tính tình vẫn là thương quan, chỉ có điều không ghê gớm đến như thế. Thương quan trong tú trụ nếu có Thân vượng thì nó là hỷ dụng thần khi hành đến vận tài phú quý tự nhiên đến.

9. Tài (Chính tài) là cái bị Thân khắc (có dấu khác với Nhật Can) là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho tài lộc, sản nghiệp, tài vận, tiền lương. Còn đại diện cho vợ cả (với nam).

Công năng là sinh quan và sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần làm hại chính án. Nói chung chính tài được coi là cát thần.

Tâm tính cẩn cù, tiết kiệm, chắc chắn, thật thà, nhưng dễ thiên về cẩu thả, thiếu tính tiến thủ, thậm chí trở thành nhu nhược, không có tài năng....

Người Thân vượng, tài vượng là bậc phú ông trong thiên hạ, nếu có cả chính quan là phú quý song toàn, nam thì được vợ hiền nội trợ tốt. Ngược lại người Thân nhược mà tài vượng thì không những nghèo mà cầu tài rất khó khăn, trong nhà vợ nắm quyền hành. Tài nhiều thường không lợi cho đường học hành, là người dốt nát. Địa chi tàng tài là tài phong phú, tài thấu ra là người khảng khái. Tài có kho (ví dụ : nếu ất là tài thì kho là dần và mao hay tàng trong các chi Thổ) khi gặp xung tất sẽ phát tài (như tài là Ất, Mậu hay Quý tàng trong Thìn khi gặp Tuất ở tuế vận xung Thìn). Thân vượng có chính tài còn gặp thực thần là được vợ hiền giúp đỡ. Chính tài và kiếp tài cùng xuất hiện trong tú trụ thì trong cuộc đời dễ gặp phải tiểu nhân nên tài dễ bị tổn thất.

10 T.Tài (Thiên tài) cũng là cái bị Thân khắc (nhưng cùng dấu với Nhật Can) cũng là cái nuôi sống tôi. Đại diện cho của riêng, trúng thưởng, phát tài nhanh, đánh bạc, tình cảm với cha. Với nam còn đại diện cho tình cảm với vợ lẽ.

Công năng của thiên tài: sinh quan sát, xì hơi thực thương, áp chế kiêu thần, làm hại chính án. Nói chung thiên tài được coi là cát thần.

Tâm tính của thiên tài, khảng khái, trọng tình cảm, thông minh, nhạy bén, lạc quan, phóng khoáng, nhưng dễ thiên về ba hoa, bè ngoài, thiếu sự kiềm chế, thậm chí là người phù phiếm....

Thiên tài đại diện cho cha hoặc vợ lẽ, hoặc nguồn của cải bằng nghề phụ. Thân vượng, tài vượng, quan vượng thì danh lợi đều có, phú quý song toàn. Thiên tài thấu can thì kỵ nhất gặp tỷ và kiếp, vì như thế vừa khắc cha lại làm tổn hại vợ (với nam). Can chi đều có thiên tài là người xa quê lập nghiệp trở lên giàu có, tình duyên tốt đẹp, của cải nhiều. Thiên tài được lệnh (vượng ở tháng sinh) là cha con hoặc thê thiếp hòa thuận, được của nhờ cha hoặc nhờ vợ, cha và vợ đều sống lâu, vinh hiển (?). Thiên tài lâm mộc dục là người háo sắc phong lưu. Thiên tài lâm mộc địa là cha hoặc vợ dễ chết sớm (?).

Qua phần luận đoán vừa nói trên, chúng tôi hy vọng Quý Anh đã có được lời giải đáp cho vận mệnh của Quý Anh. Quý Anh có thể xem thêm phần [tử vi bình giải](#) để nắm rõ hơn các chi tiết khác về vận mệnh Quý Anh.

Xem Tướng chấm net chân thành chúc Quý Anh Xemtuong thật nhiều sức khỏe và vạn sự如意.

Trân Trọng.

XemTuong.net